

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HS-ST  
Ngày: 25/11/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Ngô Kim Quyên;

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quách Thịnh - Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm - Phòng xử trực tuyến Toà án nhân dân thị xã T và điểm cầu thành phần – Phòng xử trực tuyến Nhà tạm giữ - Công an thị xã T. Tòa án nhân dân thị xã T xét xử theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HS ngày 11/10/2022:

Lê Văn N, sinh ngày 02/04/1989; Tại An Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú (nơi cư trú): Khóm L, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 18/07/2021, bị Công an thị xã T, tỉnh An Giang, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo, bị tạm từ ngày 11/08/2022 cho đến nay và có mặt tại điểm cầu thành phần – Phòng xử trực tuyến Nhà tạm giữ - Công an thị xã T.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Khóm L2, phường L3, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Ngô Thái H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khóm L4, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Nhựt L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khóm C, phường C1, thành phố C2, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Thị Tuyết H; Võ Thị Ngọc H và Huỳnh Phương D đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 21/7/2022, bị cáo Lê Văn N đi bộ ngang nhà anh Nguyễn Trung H thuộc khu vực khóm L2, phường L3, thị xã T, tỉnh An Giang nhìn thấy 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, để trên đầu tủ, cửa nhà không khóa, không người trông giữ. Bị cáo N đi vào nhà, lấy trộm điện thoại cất giấu vào túi quần rồi đi về nhà của bị cáo. Đến sáng ngày 22/7/2022, bị cáo N mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại H T ở thành phố C2, tỉnh An Giang bán cho Nguyễn Nhựt L (chủ cửa hàng) với giá 6.000.000 đồng, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Riêng anh L, sau khi mua điện thoại di động Iphone 12 Promax đã tháo lấy màn hình lắp đặt vào điện thoại di động cùng nhãn hiệu cho người khách lạ (không rõ họ tên, địa chỉ), với giá 6.000.000 đồng, đã giao nộp Cơ quan điều tra số tiền trên.

Khoảng 18 giờ ngày 08/08/2022, bị cáo N đi bộ ngang nhà Ngô Thái H thuộc khu vực khóm L4, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 để ở khu vực giữa nhà, cửa nhà không khóa, không người trông giữ. Bị cáo N đi vào nhà lấy trộm điện thoại, cất giấu, mang đến khu vực bến phà thành phố C2, tỉnh An Giang bán cho người đàn ông chạy xe Honda đầu (không rõ họ tên, địa chỉ) được 400.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam 6.000.000 đồng (giao trả cho Nguyễn Trung H giai đoạn điều tra);

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX, màu xanh đen, không rõ dung lượng, không có màn hình (đã qua sử dụng, đã giao trả cho Nguyễn Nhựt L giai đoạn điều tra);

- 01 (một) Thẻ nhớ màu đen, lưu trữ video được trích xuất từ camera do Nguyễn Trung H giao nộp.

Ngày 11/08/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, khởi tố, tạm giam đối với Lê Văn N, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết luận định giá tài sản số 347/KL-HĐĐG.TTHS và số 351/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 12 PROMAX 256 GB, màu xám, đã qua sử dụng, trị giá 20.000.000 đồng;

- 01 (một) ốp lưng dùng cho điện thoại di động APPLE IPHONE 12 PROMAX 256 GB màu xám, đã qua sử dụng, trị giá 100.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 1.600.000 đồng;

Kết luận giám định số 321 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang: Trích xuất 35 ảnh từ dữ liệu 01 tập tin Video lưu trữ trong thẻ nhớ (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo gồm 14 trang A4.

Lời khai bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Trung H, anh Ngô Thái H, chị Nguyễn Thị Tuyết H, anh Võ Ngọc H, chị Huỳnh Phương D trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Anh Nguyễn Trung H khai tài sản bị lấy trộm là 01 (một) chiếc điện thoại di động APPLE IPHONE 12 PROMAX 256 GB màu xám. Hiện nay, anh H đã nhận được 6.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 14.000.000 đồng.

Anh Ngô Thái H không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Nguyễn Nhật L khai: Khi mua tài sản không biết do phạm tội mà có, tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như lời khai đã thể hiện tại giai đoạn điều tra và đúng như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử công bố Kết luận định giá tài sản số 347, 351 ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T; Lời khai của bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên giữ quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 18/07/2021, bị cáo N bị Công an thị xã T, tỉnh An Giang, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa nộp phạt. Ngày 08/08/2022, bị cáo Lê Văn N tiếp tục thực hiện

hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, trị giá 1.600.000 đồng của Ngô Thái H. Ngày 21/07/2022, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax, có kèm ốp lưng, trị giá 20.100.000 đồng của Nguyễn Trung H. Mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội phạm nên ngoài việc chịu trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, bị cáo N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân bị cáo N 27/01/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 18/12/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 25/5/2019, bị Công an phường L3, thị xã T, xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 26/7/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn N thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án tù 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại Ngô Thái H không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra để xem xét.

Đối với bị hại Nguyễn Trung H, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 14.100.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bị hại Nguyễn Trung H, buộc bị cáo Lê Văn N có trách nhiệm bồi thường số tiền 14.100.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã T đã xử lý xong nên không đặt ra để xem xét.

Đối với: Nguyễn Nhựt L khi mua tài sản không biết do phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Lê Văn N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” trên địa bàn thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[3] Sự vắng mặt của bị hại Nguyễn Trung H, Ngô Thái H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Nhựt L; Người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết H, Võ Thị Ngọc H, Huỳnh Phương D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Lê Văn N khai nhận vào ngày 21/7/2022, bị cáo N đi bộ ngang nhà Nguyễn Trung H thuộc khu vực khóm L2, phường L3, thị xã T, tỉnh An Giang nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, để trên đầu tủ, cửa nhà không khóa, không người trông giữ. Bị cáo N đi vào nhà, lấy trộm điện thoại cất giấu vào túi quần, rồi bị cáo đi về nhà. Đến sáng ngày 22/7/2022, bị cáo N mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại H T ở thành phố C2, tỉnh An Giang bán cho Nguyễn Nhựt L (chủ cửa hàng) với giá 6.000.000 đồng, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/08/2022, bị cáo Lê Văn N đi bộ ngang nhà Ngô Thái H thuộc khu vực khóm L4, phường L1, thị xã T, tỉnh An Giang nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 để ở khu vực giữa nhà, cửa nhà không khóa, không người trông giữ. Bị cáo N đi vào nhà lấy trộm điện thoại, cất giấu, mang đến khu vực bên phà thành phố C2, tỉnh An Giang bán cho người đàn ông chạy xe Honda (không rõ họ tên, địa chỉ) được 400.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo Lê Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường L1, thị xã T lập

ngày 10/08/2022 và biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường L3, thị xã T lập ngày 10/08/2022; Kết luận định giá tài sản số 347, 351 ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do cơ quan có thẩm quyền lập và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn N có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh H, ông H trị giá 21.700.000 (hai mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo N có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 57/CT-VKSTC ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố hành vi phạm tội của bị cáo N là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau.

Bị cáo N là người cha có sức khỏe, có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động tạo thu nhập tiêu xài cá nhân. Ngược lại, bị cáo lại lười biếng lao động, không làm mà muốn có tiền tiêu xài, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn N đã bị Công an thị xã T, xử phạt 1.500.000 đồng ngày 18/7/2021 về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa nộp phạt. Đến ngày 08/08/2022, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, trị giá 1.600.000 đồng của Ngô Thái H. Ngày 21/07/2022, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax, có kèm ốp lưng, trị giá 20.100.000 đồng của Nguyễn Trung H. Mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo có tính nguy hiểm cho xã hội, cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã T đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử, không xem xét, giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Trung H đã nhận lại 6.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 14.100.000 đồng. Buộc các bị cáo N bồi thường cho bị hại H số tiền 14.100.000 đồng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Bị hại ông Ngô Thái H không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử, không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh Nguyễn Nhật L mua 01 (một) chiếc điện thoại của bị cáo. Khi mua anh L không biết tài sản do trộm cắp mà có nên đã tháo lấy màn hình lắp đặt vào điện thoại di động cùng nhãn hiệu cho người khách lạ (không rõ họ tên, địa chỉ), với giá 6.000.000 đồng, đã giao nộp Cơ quan điều tra số tiền trên. Anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 705.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 905.000 (chín trăm nghìn linh năm nghìn) đồng.

Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.*

Tuyên bố bị cáo: Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm tù;

Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính, kể từ ngày tạm giam ngày 11/08/2022 (ngày mười một tháng tám năm hai nghìn hai mươi hai).

*Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.*

Buộc bị cáo Lê Văn N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trung H số tiền 14.100.000 (*mười bốn triệu một trăm nghìn*) đồng.

*Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 705.000 (*bảy trăm nghìn linh năm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Tổng cộng 900.000 (*chín trăm nghìn linh năm nghìn*) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Lê Văn N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**